



ASEAN SECURITIES
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Ưu tiên nhóm thu hút dòng tiền

ASEANSC Research | 10-08-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index diễn biến hồi phục

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu

- Nguồn: ASEANSC Research**

VN Index diễn biến hồi phục



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm **cơ hội Trading**. Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.
- Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.
- Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).
- Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường **thuận lợi**. Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.
- Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường. Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 10/08/2026 – 14/08/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
CTG	Ngân hàng	31 – 32	34 +/-	Thấp (10% - 30%)
BID	Ngân hàng	37 – 38	40 +/-	
LPB	Ngân hàng	51 – 52	54 +/-	
HCM	Chứng khoán	24 – 25	27 +/-	
VNM	Thực phẩm	60 – 61	64 +/-	
BSR	Dầu khí	24 – 25	27 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

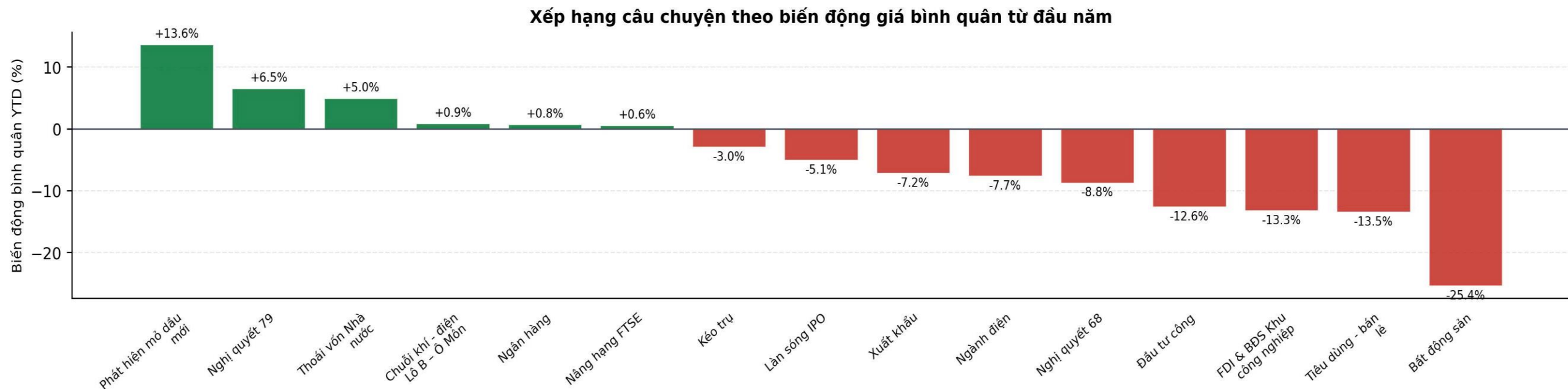
Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 03/08/2026 – 07/08/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
TCB	Ngân hàng	27 – 28	2,59%
VPB	Ngân hàng	23 – 24	0,81%
VIB	Ngân hàng	13 – 14	1,03%
GMD	Cảng biển	67 – 70	0,26%
GVR	Cao su	25 – 26	8,18%
BSR	Dầu khí	22 – 24	3,35%

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN





3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	296	30	327	13%	5%	12.939	14,2	1,6
VNM	44	(56)	(12)	30%	1%	20.900	11,8	3,6
BVH	(46)	202	156	18%	13%	83.557	12,0	2,0
POW	218	38	256	18%	31%	72.801	8,6	1,4
VGC	130	32	162	18%	20%	7.423	10,6	1,8
GAS	41	67	107	59%	-78%	31.115	15,9	7,1
BSR	139	(64)	75	10%	26%	10.350	18,7	1,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	178	667	845	26%	20%	17.035	12,1	2,9
HDB	235	16	251	25%	28%	50.053	6,8	1,4
GMD	46	46	92	21%	44%	4.265	12,7	2,1
DGW	109	(2)	107	24%	1640%	2.213	10,4	2,3
REE	5	3	8	13%	15%	6.229	13,9	1,1
VPB	(105)	(571)	(676)	17%	35%	79.339	6,7	1,0
ACB	83	(72)	11	16%	14%	58.044	8,3	1,3
TCB	872	(393)	479	15%	10%	70.862	7,8	1,1
MWG	(211)	(0)	(211)	29%	525%	14.770	10,6	2,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	296	30	327	13%	5%	12.939	14,2	1,6
OIL	7	1	8	6%	-10%	2.014	23,1	1,2
GAS	154	59	213	19%	12%	24.129	14,2	2,6
PVS	47	(5)	42	14%	31%	5.114	8,4	1,1
PVD	(30)	(28)	(58)	7%	-224%	5.563	9,0	0,6
BSR	624	20	644	30%	192%	50.073	6,7	1,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	296	30	327	13%	5%	12.939	14,2	1,6
GVR	74	12	86	12%	7%	40.000	16,7	1,8
BVH	130	32	162	18%	20%	7.423	10,6	1,8
POW	(84)	(41)	(124)	17%	29%	30.678	6,5	0,9
BID	218	38	256	18%	31%	72.801	8,6	1,4
GAS	154	59	213	19%	12%	24.129	14,2	2,6
BSR	624	20	644	30%	192%	50.073	6,7	1,8
VCB	(46)	202	156	18%	13%	83.557	12,0	2,0
CTG	469	438	906	22%	25%	77.669	6,3	1,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	44	(56)	(12)	30%	1%	20.900	11,8	3,6
DGW	109	(2)	107	24%	1640%	2.213	10,4	2,3
MSN	205	85	290	22%	18%	14.604	13,8	2,0
FRT	(2)	214	212	28%	-69%	1.788	19,8	3,8
MWG	(211)	(0)	(211)	29%	525%	14.770	10,6	2,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	126	(40)	86	29%	70%	3.795	5,9	1,4
BCM	139	(64)	75	10%	26%	10.350	18,7	1,8
KBC	59	(11)	48	5%	112%	9.418	22,8	1,0
VGC	5	3	7	17%	12%	4.484	12,1	1,5
PHR	71	(22)	50	21%	7%	1.355	8,5	1,6
SZC	10	(0)	10	5%	6%	1.800	21,9	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	855	(124)	731	5%	23%	18.852	45,7	2,2
HDB	235	16	251	25%	28%	50.053	6,8	1,4
BID	218	38	256	18%	31%	72.801	8,6	1,4
VPB	(105)	(571)	(676)	17%	35%	79.339	6,7	1,0
MBB	205	414	620	21%	20%	80.550	6,4	1,2
ACB	83	(72)	11	16%	14%	58.044	8,3	1,3
VCB	(46)	202	156	18%	13%	83.557	12,0	2,0
TCB	872	(393)	479	15%	10%	70.862	7,8	1,1
CTG	469	438	906	22%	25%	77.669	6,3	1,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	(574)	431	(143)	17%	3%	84.430	8,0	1,3
CTD	1	(8)	(8)	8%	169%	1.140	8,8	0,7
HHV	20	2	21	6%	24%	5.472	8,4	0,4
VCG	60	(15)	44	34%	112%	6.465	2,5	0,8
BMP	(39)	(21)	(60)	43%	73%	819	9,5	4,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(84)	(41)	(124)	17%	29%	30.678	6,5	0,9
NT2	7	(3)	4	27%	300%	2.879	4,6	1,1
TV2	2	(0)	2	4%	211%	3.762	16,0	0,7
GEG	5	3	8	13%	15%	6.229	13,9	1,1
REE	(9)	(13)	(22)	17%	38%	4.113	7,2	0,9
PC1	(84)	(41)	(124)	17%	29%	30.678	6,5	0,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(84)	(41)	(124)	17%	29%	30.678	6,5	0,9
GAS	154	59	213	19%	12%	24.129	14,2	2,6
PVS	47	(5)	42	14%	31%	5.114	8,4	1,1
PVD	(30)	(28)	(58)	7%	-224%	5.563	9,0	0,6



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	(46)	202	156	18%	13%	83.557	12,0	2,0
FPT	178	667	845	26%	20%	17.035	12,1	2,9
VNM	44	(56)	(12)	30%	1%	20.900	11,8	3,6
HPG	(574)	431	(143)	17%	3%	84.430	8,0	1,3
BID	218	38	256	18%	31%	72.801	8,6	1,4
TCB	872	(393)	479	15%	10%	70.862	7,8	1,1
CTG	469	438	906	22%	25%	77.669	6,3	1,3
VHM	(1.208)	143	(1.064)	33%	5%	41.074	3,8	1,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	178	667	845	26%	20%	17.035	12,1	2,9
VNM	44	(56)	(12)	30%	1%	20.900	11,8	3,6
HPG	(574)	431	(143)	17%	3%	84.430	8,0	1,3
VPB	(105)	(571)	(676)	17%	35%	79.339	6,7	1,0
MBB	205	414	620	21%	20%	80.550	6,4	1,2
VCB	(46)	202	156	18%	13%	83.557	12,0	2,0
TCB	872	(393)	479	15%	10%	70.862	7,8	1,1
VHM	(1.208)	143	(1.064)	33%	5%	41.074	3,8	1,1
SSI	75	87	162	13%	17%	25.031	11,7	1,4



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	96	(195)	(99)	6%	-2%	4.851	16,4	0,7
PDR	67	21	88	5%	-9%	9.978	19,2	0,9
KDH	276	(29)	247	12%	17%	11.222	11,5	1,0
VHM	(1.208)	143	(1.064)	33%	5%	41.074	3,8	1,1
TCH	(26)	(15)	(40)	3%	13%	9.121	35,0	0,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	(59)	(3)	(62)	17%	76%	24.349	16,3	2,3
TCX	(158)	(177)	(335)	14%	21%	27.739	17,9	2,4
VCI	492	(6)	486	9%	12%	11.476	16,3	1,4
MBS	142	(1)	141	14%	20%	10.010	10,8	1,1
VND	13	15	28	13%	5%	15.223	9,4	1,2
VIX	952	8	961	16%	209%	24.503	16,5	0,8
SHS	251	2	253	8%	68%	8.995	13,9	1,1
HCM	123	7	130	10%	5%	10.808	20,7	1,9
SSI	75	87	162	13%	17%	25.031	11,7	1,4



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
VCB	(46)	202	156	18%	13%	83.557	12,0	2,0	59.700	56.681	5%	Nâng hạng FTSE
BID	218	38	256	18%	31%	72.801	8,6	1,4	39.050	38.010	3%	Nghị quyết 79
CTG	469	438	906	22%	25%	77.669	6,3	1,3	32.500	34.962	-7%	Nghị quyết 79
TCB	872	(393)	479	15%	10%	70.862	7,8	1,1	29.700	34.230	-13%	Nghị quyết 68
VPB	(105)	(571)	(676)	17%	35%	79.339	6,7	1,0	25.000	27.413	-9%	Nghị quyết 68
HDB	235	16	251	25%	28%	50.053	6,8	1,4	26.550	28.950	-8%	Nghị quyết 68
TCX	(158)	(177)	(335)	14%	21%	27.739	17,9	2,4	39.300	37.758	4%	Làn sóng IPO
VCI	492	(6)	486	9%	12%	11.476	16,3	1,4	21.750	24.617	-12%	Nâng hạng FTSE



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
FPT	178	667	845	26%	20%	17.035	12,1	2,9	70.800	93.709	-24%	Nghị quyết 68
HPG	(574)	431	(143)	17%	3%	84.430	8,0	1,3	22.000	23.163	-5%	Nâng hạng FTSE
PVS	47	(5)	42	14%	31%	5.114	8,4	1,1	34.300	35.500	-3%	Phát hiện mỏ dầu mới
PVD	(30)	(28)	(58)	7%	-224%	5.563	9,0	0,6	18.050	17.432	4%	Phát hiện mỏ dầu mới
VNM	44	(56)	(12)	30%	1%	20.900	11,8	3,6	62.000	58.438	6%	Nâng hạng FTSE
MSN	205	85	290	22%	18%	14.604	13,8	2,0	67.400	76.800	-12%	Nâng hạng FTSE
MWG	(211)	(0)	(211)	29%	525%	14.770	10,6	2,9	71.000	86.060	-17%	Nghị quyết 68



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
BSR	624	20	644	30%	192%	50.073	6,7	1,8	26.200	16.250	61%	Nghị quyết 79
IDC	126	(40)	86	29%	70%	3.795	5,9	1,4	33.600	31.380	7%	FDI & BĐS Khu công nghiệp
MBB	205	414	620	21%	20%	80.550	6,4	1,2	24.150	24.375	-1%	Ngân hàng
ACB	83	(72)	11	16%	14%	58.044	8,3	1,3	22.400	20.694	8%	Nghị quyết 68
VHM	(1.208)	143	(1.064)	33%	5%	41.074	3,8	1,1	73.000	63.844	14%	Bất động sản
CTD	1	(8)	(8)	8%	169%	1.140	8,8	0,7	62.100	71.043	-13%	Đầu tư công
GEX	89	(70)	19	10%	78%	13.085	23,4	0,9	24.550	28.272	-13%	Nâng hạng FTSE

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn

Nguồn: ASEANSC Research



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**